TỔNG CÔNG TY IDICO - CÔNG TY CỔ PHẦN (HNX: IDC)

MUA - Giá mục tiêu: 66,200 VND (+28%)

Điểm nhấn đầu tư

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu IDC, với giá mục tiêu 66,200 VND/cổ phiếu (+28%) theo phương pháp RNAV, dựa trên các luận điểm chính:

1. **Doanh thu và lợi nhuận của IDC được kỳ vọng tăng trưởng khả quan từ năm 2022**. Ngoài mảng kinh doanh chính là cho thuê và quản lý hạ tầng Khu công nghiệp (KCN), IDC còn đầu tư vào các nhà máy thủy điện, kinh doanh điện, xây dựng, thu phí đường bộ và các dự án bất động sản dân dụng/thương mại. Các ngành kinh tế này sẽ hưởng lợi tích cực khi hoạt động kinh doanh trở lại bình thường và biện lợi nhuận được kỳ vọng sẽ cải thiện từ việc khôi phục các hoạt động kinh tế khi tỷ lệ tiêm chủng cao.
2. **IDC đang phát triển quỹ đất khu công nghiệp lớn và có nhiều tiềm năng tăng giá trong tương lai.** Cụ thể, hiện tại, IDC đang sở hữu 868ha đất khu công nghiệp sẵn sàng cho thuê tại các KCN Phú Mỹ 2, KCN Quế Võ 2, KCN Cầu Nghìn, KCN Hựu Thạnh,… trong giai đoạn 2022 - 2026. Đây là các Khu công nghiệp tại các địa phương có tiềm năng thu hút FDI và tăng giá cao. Trong giai đoạn từ 202-2030, IDC dự kiến sẽ phát triển thêm khoảng 1,000ha đất sạch thuộc khu vực phía Bắc (400ha) và phía Nam (600ha). Đây là động lực tăng trưởng chính cho IDC trong giai đoạn trung và dài hạn sắp tới.
3. **Phát triển bất động sản nhà ở để tận dụng xu hướng tăng giá của giá đất và lợi thế phát triển khu công nghiệp.** Ban lãnh đạo IDC có kế hoạch phát triển các dự án nhà ở và Khu đô thị (KĐT) nằm cạnh các dự án Khu công nghiệp trong tương lai trong lộ trình phát triển của công ty với tổng diện tích của mỗi dự án tương đương 10%-30% của mỗi dự án khu công nghiệp. Khách hàng hướng tới là công nhân và các chuyên gia làm việc tại chỗ trong các KCN này. Chúng tôi tin rằng các dự án bất động sản nhà ở sẽ mang lại thêm nguồn thu nhập đáng kể cho IDC trong giai đoạn 2025 – 2030.

Rủi ro đầu tư

1. Rủi ro liên quan đến việc chậm tiến độ triển khai của các dự án trong tương lai.
2. Rủi ro vĩ mô: nền kinh tế Việt Nam có thể hồi phục tăng trưởng chậm hơn dự kiến. Ngoài ra, áp lực gia tăng từ lạm phát, tăng giá nguyên vật liệu đầu vào, tăng lãi suất có thể gây áp lực lên nhu cầu đầu tư trong nước và nguy cơ địa chính trị, đứt gãy chuỗi cung ứng có thể gây áp lực lên dòng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam.

Giao dịch của IDC trong 12 tháng

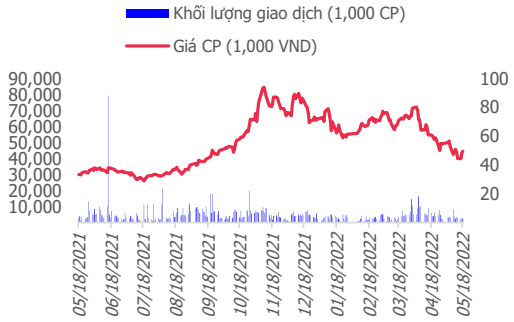

	1M	3M	9M
IDC (%)	-19%	-30%	-39%
VNIndex (%)	-20%	-21%	-13%

Ngày báo cáo	16/06/2022
Giá hiện tại	VND 51,900
Giá mục tiêu	VND 66,200
Upside	+28%
Vốn hóa thị trường	14,700 tỷ VND
Biến động 52 tuần	VND 27,408 – 95,834
Giá trị giao dịch trung bình YTD	284 tỷ VND
Giới hạn sở hữu NĐTNN	49%
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN	1.34%

Đơn vị: tỷ đồng	**2021F**	**2022F**	**2023F**	**2024F**	**2025F**
Doanh thu	**4,301**	**7,463**	**8,816**	**10,418**	**11,780**
EBIT	477	2,711	3,422	4,275	5,332
LNST	**578**	**2,127**	**2,571**	**3,271**	**4,117**
EPS (VND)	1,514	5,065	6,122	7,790	9,805
Tăng trưởng EPS (%)	-48%	234%	21%	27%	26%
P/E (x)	**32.4x**	**9.9x**	**8.2x**	**6.4x**	**5.1x**
EV/EBITDA (x)	14.1	5.7	4.0	2.5	1.6
Cổ tức trên mệnh giá (VND)	3,000	3,000	2,000	2,000	2,000
Lợi suất cổ tức tiền mặt (%)	6.1%	6.0%	4.0%	4.0%	4.0%
P/B (x)	2.9x	2.4x	1.8x	1.3x	1.0x
ROE (%)	**9%**	**25%**	**22%**	**21%**	**19%**
Nợ vay / Vốn CSH (%)	70%	70%	61%	53%	45%

Nguồn: MBS Research

TỔNG CÔNG TY IDICO - CÔNG TY CỔ PHẦN (HNX: IDC)

MUA - Giá mục tiêu: 66,200 VND (+28%)

Cập nhật kết quả kinh doanh

IDC hoạt động trong các lĩnh vực bao gồm (1) đầu tư và cho thuê các dự án bất động sản khu công nghiệp (KCN), (2) đầu tư và kinh doanh bất động sản dân cư, (3) kinh doanh điện, (4) thu phí BOT và (5) xây dựng và các ngành nghề khác.

Năm 2021, hoạt động kinh doanh của IDC kém khả quan do tác động của dịch Covid19. Cụ thể, đến hết năm 2021, IDC ghi nhận doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 4,301 tỷ đồng giảm 19.7%, lợi nhuận sau thuế đạt 578 tỷ đồng, giảm 48% so với cùng kỳ 2020. Trong đó, doanh thu hoạt động kinh doanh điện chiếm tỷ trọng lớn nhất qua các năm (đạt giá trị 62.7% trong năm 2021), kế tiếp là doanh thu từ hoạt động cho thuê đất KCN (đạt 19.5% trong năm 2021). Biên lợi nhuận gộp năm 2021 đạt 17%, giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2020 (28%).

Quý I/2022, hoạt động kinh doanh của IDC ghi nhận nhiều tín hiệu khởi sắc. Theo đó, IDC ghi nhận doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 1,673 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 284 tỷ đồng, lần lượt tăng 60% và hơn 250% so với cùng kỳ năm trước, và đạt lần lượt 50% và 15% kế hoạch đặt ra cho cả năm 2022.

Hiện tại, mảng cho thuê KCN là động lực chính của IDC trong khi hoạt động sản xuất năng lượng từ các nhà máy thủy điện của IDC sẽ ảnh hưởng từ các điều kiện thời tiết bất ổn trong một số năm nhất định, nhưng phần nào được hỗ trợ bởi sự ổn định của mảng kinh doanh điện**. Trong tương lai, chúng tôi kỳ vọng mảng BĐS nhà ở sẽ trở thành động lực mới dẫn dắt lợi nhuận gộp ngoài mảng KCN** mà mũi nhọn chính là việc bàn giao dự án KĐT Hựu Thạnh sẽ bắt đầu từ năm 2025.

Chúng tôi kỳ vọng biên LN gộp của mảng KCN của IDC sẽ duy trì ở mức cao trong giai đoạn 2022-2025. Chúng tôi hiện dự báo biên LN gộp mảng KCN sẽ tăng mạnh trong năm 2022 lên 64% do IDC ghi nhận doanh thu từ các dự án KCN đã được lấp đầy, trong đó chi phí phát triển được ước tính trên cơ sở kế toán thận trọng. Từ năm 2022 trở đi, chúng tôi kỳ vọng biên LN gộp mảng KCN sẽ hạ nhiệt từ mức cao nhưng vẫn duy trì khoảng 50% do tác động tích cực từ việc đánh giá cao chi phí tại các KCN đã lấp đầy không còn.

Kết quả hoạt động của IDC qua các năm

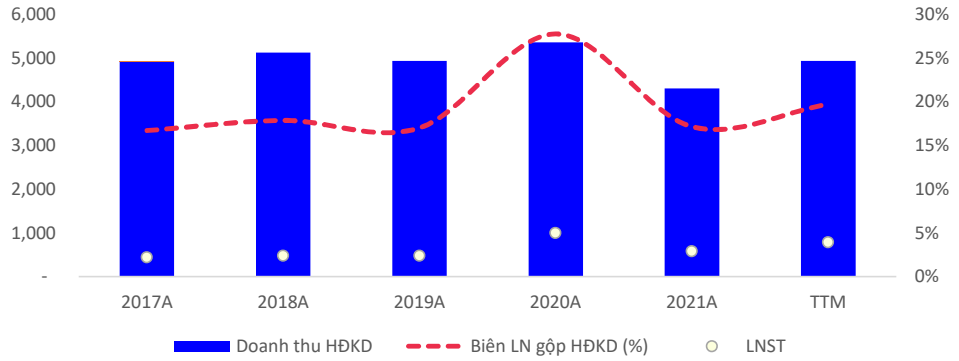

Cơ cấu doanh thu từ hoạt động kinh doanh

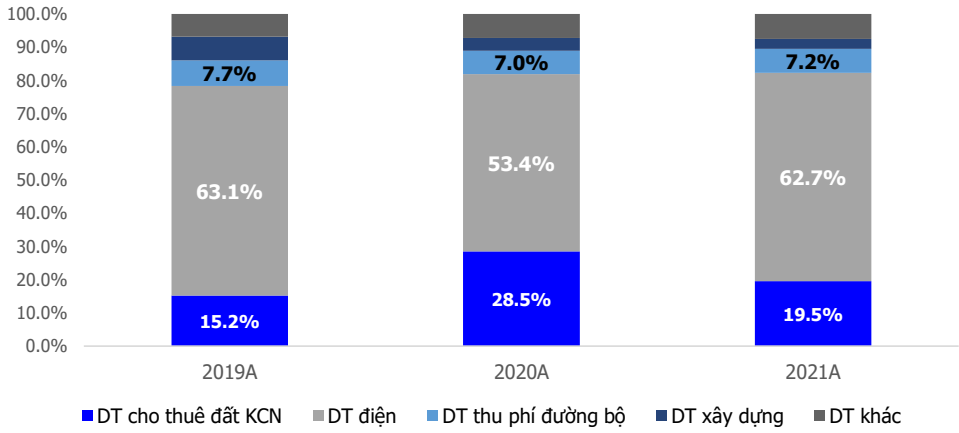

Nguồn: MBS Research, IDC

TỔNG CÔNG TY IDICO - CÔNG TY CỔ PHẦN (HNX: IDC)

MUA - Giá mục tiêu: 66,200 VND (+28%)

Tình hình tài chính

Cơ cấu tài sản IDC

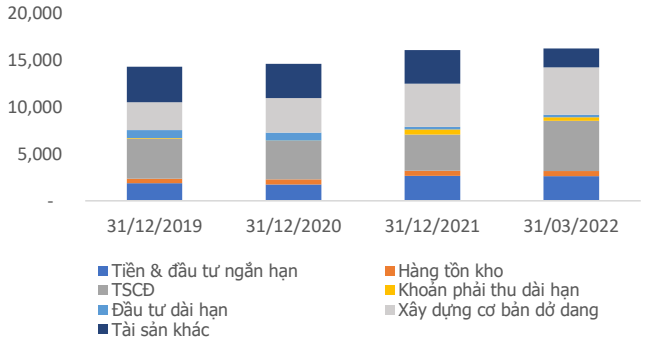

Tỷ số khả năng thanh toán

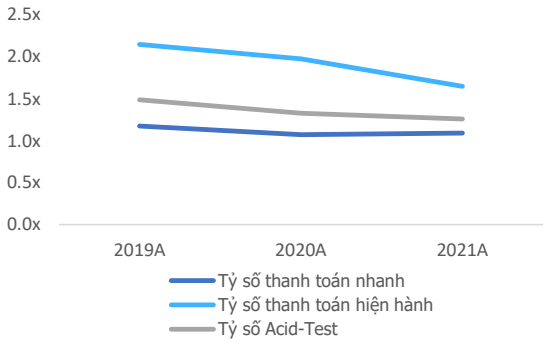

Hiệu quả hoạt động

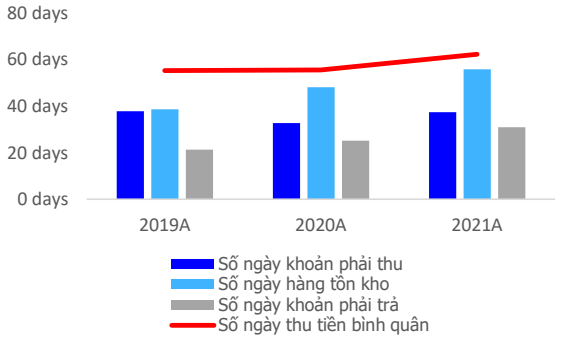

Cơ cấu nguồn vốn IDC

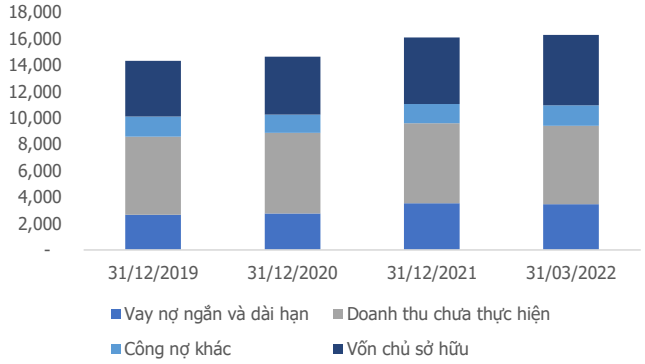

Tỷ số sinh lời

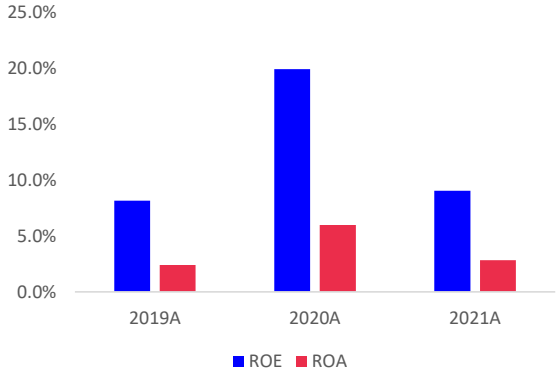

Dòng tiền của IDC

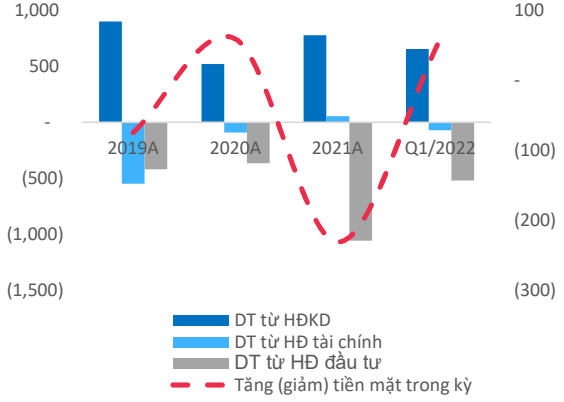

Nguồn: MBS Research, IDC

TỔNG CÔNG TY IDICO - CÔNG TY CỔ PHẦN (HNX: IDC)

MUA - Giá mục tiêu: 66,200 VND (+28%)

Tổng quan các hoạt động kinh doanh của IDC và thời điểm ghi nhận doanh thu

Dự án	Địa điểm	% sở hữu	Năm mở bán	Tổng DT (ha)	Tỷ lệ lấp đầy	DT Thương phẩm còn lại (ha)	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031
Các dự án KCN đang triển khai																
KCN Phú Mỹ 2	Vũng Tàu	100.0%	2004	443	72.8%	120										
KCN Quế Võ 2	Bắc Ninh	51.0%	2007	188	42.4%	108										
KCN Phú Mỹ 2 mở rộng	Vũng Tàu	100.0%	2008	273	49.9%	137										
KCN Cầu Nghìn	Thái Bình	100.0%	2012	132	1.9%	129										
KCN Hựu Thạnh	Long An	100.0%	2016	395	5.7%	373										
KCN Mỹ Xuân B1 mở rộng	Vũng Tàu	51.0%	2024	77	-	77.0										
KCN tại miền Nam	Tiền Giang	65.0%	2027	600	-	600.0										
KCN tại miền Bắc	Hải Phòng, Thái Bình	100.0%	2027	400	-	400.0										
Các dự án KĐT đang triển khai																
KĐT và nhà ở công nhân Hựu Thạnh	Long An	51.0%	2025	229	-	229										
KĐT trung tâm phường 6 mở rộng	Long An	51.0%	2025	4	-	4										
Nhà ở công nhân Nhơn Trạch	Đồng Nai	100.0%	2025	20	-	20										
Khu nhà ở Mỹ Xuân B1	Vũng Tàu	51.0%	2025	3	-	3										
Dự án BOT																
BOT An Sương		58.0%	2004													
Dự án Thủy điện																
Đak Mi 3		100.0%	2007													
Srok Phu Miêng		51.0%	2007													

TỔNG CÔNG TY IDICO - CÔNG TY CỔ PHẦN (HNX: IDC)

MUA - Giá mục tiêu: 66,200 VND (+28%)

Dự phóng kết quả kinh doanh và định giá:

- Chúng tôi ước tính doanh thu năm 2022 của IDC đạt 7.463 tỷ đồng, tăng 74% yoy, trong đó chủ yếu là doanh thu đến từ hoạt động kinh doanh điện và Khu công nghiệp (KCN), trong đó doanh thu KCN đến từ việc IDC sẽ mở rộng diện tích đất cho thuê tại KCN Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng và KCN Cầu Nghìn. Lợi nhuận sau thuế 2022 dự kiến đạt 2.127 tỷ đồng.
- Lý do doanh thu và lợi nhuận có sự tăng trưởng mạnh từ 2022 nhờ thay đổi phương thức tiếp cận của IDC trong ghi nhận doanh thu từ mảng KCN. Trong giai đoạn 2016-2019, IDC có mức đóng góp doanh thu khiêm tốn từ mảng KCN do phương thức phân bổ đất KCN của công ty. IDC phân bổ doanh thu KCN trong giai đoạn 2016-2019 dựa theo thời hạn thuê thực tế, phân bổ doanh thu trong thời gian thuê. IDC đã thay đổi phương pháp ghi nhận đối với đất KCN cho thuê sang phương pháp ghi nhận một lần đối với các KCN đã lấp đầy vào năm 2021, dẫn đến việc điều chỉnh lại số liệu hồi tố vào năm 2020 khi công ty hoàn tất các khoản đầu tư vào KCN Mỹ Xuân A. Do vậy, chúng tôi dự báo doanh thu KCN của IDC sẽ tăng mạnh do doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo KQKD trong giai đoạn IDC hoàn tất ghi nhận chi phí phát triển cho các KCN đã lấp đầy. Vào cuối Q1/2022, tổng số dư doanh thu chưa thực hiện (ngắn và dài hạn) của IDC là khoảng 6,3 nghìn tỷ đồng, chúng tôi kỳ vọng doanh nghiệp sẽ ghi nhận dần khoản mục này vào doanh thu 2022-2026.
- Chúng tôi kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận giai đoạn 2022 – 2026 sẽ tăng ổn định từ việc cho thuê hết diện tích đất Khu công nghiệp còn lại từ KCN Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng và KCN Cầu Nghìn, Hữu Thạnh,…. Từ năm 2026 trở đi, động lực tăng trưởng chính của IDC sẽ chủ yếu đến từ các dự án Khu đô thị và các dự án KCN mới ở miền nam cũng như tại miền Bắc mà IDC đang sỡ hữu quỹ đất sạch.
- Trên cơ sở IDC là một công ty đa ngành, hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau, chúng tôi ước tính giá trị mỗi cổ phần của IDC là **66,200 VND** theo phương pháp tổng giá trị từng phần (SoTP) với chi tiết định giá như sau:

Dự án	Phương pháp	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Khu công nghiệp	DCF	51%-100%	5,950
Khu đô thị/ Khu dân cư	DCF	51%-100%	3,219
Kinh doanh điện	P/E	51%-100%	898
Thu phí BOT	DCF	58.0%	865
Tổng			**10,933**
Tiền mặt	Book Value		553
Đầu tư ngắn hạn	Book Value		2,058
Tài sản ròng khác	Book Value		10,941
Nợ vay	Book Value		(3,458)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	Book Value		(1,157)
Tổng giá trị vốn doanh nghiệp			**19,869**
Số lượng cổ phiếu			300,000,000
Giá trị mỗi cổ phiếu			**66,200**

Dự phóng Kết quả KD					
Tỷ VND	2021A	2022F	2023F	2024F	2025F
Doanh thu	4,301	7,463	8,816	10,418	11,780
Tăng trưởng	*-20%*	*74%*	*18%*	*18%*	*13%*
Giá vốn	3,564	4,341	4,909	5,570	5,800
Lợi nhuận gộp	737	3,121	3,907	4,848	5,980
Tăng trưởng	*-50%*	*323%*	*25%*	*24%*	*23%*
LNST	578	2,127	2,571	3,271	4,117
Tăng trưởng	*-42%*	*268%*	*21%*	*27%*	*26%*
EPS	1,514	5,065	6,122	7,790	9,805
BVPS	*-48%*	*234%*	*21%*	*27%*	*26%*
ROE	16,760	20,530	27,908	37,972	51,312
ROA	9.0%	24.7%	21.9%	20.5%	19.1%

TỔNG CÔNG TY IDICO - CÔNG TY CỔ PHẦN (HNX: IDC)

MUA - Giá mục tiêu: 66,200 VND (+28%)

Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Doanh thu thuần	**4,301**	**7,463**	**8,816**	**10,418**	**11,780**
Giá vốn hàng bán	3,564	4,341	4,909	5,570	5,800
Lợi nhuận gộp	**737**	**3,121**	**3,907**	**4,848**	**5,980**
Doanh thu hoạt động tài chính	605	199	199	219	230
Chi phí tài chính	294	249	313	369	426
Chi phí quản lý doanh nghiệp	260	410	484	572	647
LNTT	**756**	**2,658**	**3,213**	**4,089**	**5,146**
LNST	**578**	**2,127**	**2,571**	**3,271**	**4,117**
LNST của cổ đông công ty mẹ	**454**	**1,671**	**2,020**	**2,571**	**3,236**
LNST của cổ đông không kiểm soát	**124**	**455**	**550**	**700**	**881**

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Tài sản ngắn hạn	**4,035**	**8,080**	**13,268**	**19,240**	**26,286**
I. Tiền & tương đương tiền	495	3,889	8,524	13,981	18,231
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,169	2,169	2,386	2,505	5,010
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	413	711	840	992	1,122
IV. Hàng tồn kho	549	602	681	772	804
V. Tài sản ngắn hạn khác	409	709	838	990	1,119
Tài sản dài hạn	**12,041**	**11,452**	**11,168**	**10,952**	**10,741**
I. Các khoản Phải thu dài hạn	563	80	95	112	127
II. Tài sản cố định	5,821	5,219	4,968	4,712	4,454
1. Tài sản cố định hữu hình	3,832	3,404	3,158	2,906	2,655
2. Tài sản cố định vô hình	1,989	1,815	1,810	1,806	1,799
III. Bất động sản đầu tư	114	101	95	88	82
IV. Tài sản dở dang dài hạn	4,608	4,608	4,608	4,608	4,608
V. Đầu tư tài chính dài hạn	*281*	*696*	*520*	*388*	*289*
VI. Tài sản dài hạn khác	654	747	884	1,045	1,181
Tổng tài sản	**16,076**	**19,532**	**24,436**	**30,192**	**37,027**
Nợ phải trả	**11,048**	**12,757**	**15,226**	**17,661**	**20,094**
I. Nợ ngắn hạn	**2,450**	**2,459**	**2,853**	**3,326**	**3,660**
1. Các khoản phải trả ngắn hạn	1,002	1,414	1,619	1,868	2,010
2. Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	1,448	1,045	1,234	1,458	1,649
II. Nợ dài hạn	**8,598**	**10,298**	**12,373**	**14,334**	**16,434**
1. Các khoản phải trả dài hạn	6,514	6,567	7,965	9,126	10,544
2. Vay & nợ thuê tài chính dài hạn	2,085	3,731	4,408	5,209	5,890
Vốn chủ sở hữu	**5,028**	**6,775**	**9,210**	**12,531**	**16,933**
1. Vốn điều lệ	3,000	3,300	3,300	3,300	3,300
2. Thặng dư vốn cổ phần	42	42	42	42	42
3. Các khoản lợi nhuận chưa phân phối	686	1,727	3,615	6,191	9,605
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1,128	1,520	2,067	2,812	3,800
5. Vốn khác	172	186	186	186	186
Tổng nguồn vốn	**16,076**	**19,532**	**24,436**	**30,192**	**37,027**

Chỉ số chính	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Định giá					
EPS	1,514	5,065	6,122	7,790	9,805
Giá trị sổ sách của cổ phiếu (BVPS)	16,760	20,530	27,908	37,972	51,312
P/E	32.4	9.9	8.2	6.4	5.1
P/B	2.9	2.4	1.8	1.3	1.0
Khả năng sinh lời					
Biên lợi nhuận gộp	17%	42%	44%	47%	51%
Biên EBITDA	21%	42%	44%	45%	49%
Biên lợi nhuận sau thuế	13%	28%	29%	31%	35%
ROE	9%	25%	22%	21%	19%
ROA	3%	9%	8%	9%	9%
Tăng trưởng					
Doanh thu	-20%	74%	18%	18%	13%
Lợi nhuận trước thuế	-39%	252%	21%	27%	26%
Lợi nhuận sau thuế	-42%	268%	21%	27%	26%
EPS	-48%	234%	21%	27%	26%
Tổng tài sản	10%	21%	25%	24%	23%
Vốn chủ sở hữu	15%	35%	36%	36%	35%
Thanh khoản					
Thanh toán hiện hành	1.65	3.29	4.65	5.78	7.18
Thanh toán nhanh	1.09	2.46	3.82	4.96	6.35
Nợ/tài sản	22%	24%	23%	22%	20%
Nợ/vốn chủ sở hữu	70%	70%	61%	53%	45%
Khả năng thanh toán lãi vay	2.75	10.88	10.95	11.58	12.51
Hiệu quả hoạt động					
Vòng quay phải thu khách hàng	*9.8*	*12.5*	*10.8*	*10.8*	*10.6*
Thời gian thu tiền khách hàng bình quân (ngày)	37	29	34	34	34
Vòng quay hàng tồn kho	*6.5*	*7.5*	*7.7*	*7.7*	*7.4*
Thời gian tồn kho bình quân (ngày)	56	48	48	48	50
Vòng quay phải trả nhà cung cấp	*11.8*	*13.6*	*13.6*	*13.6*	*13.1*
Thời gian trả tiền bình quân (ngày)	31	27	27	27	28

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tỷ đồng)	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
LCTT từ HĐ kinh doanh	885	2,968	4,033	4,496	3,200
LCTT từ HĐ đầu tư	-1,059	-519	-151	-151	-149
LCTT từ HĐ tài chính	54	946	752	1,110	1,200
LCTT trong kỳ	**-120**	**3,394**	**4,635**	**5,456**	**4,251**
Tiền/tương đương tiền đầu kỳ	**727**	**495**	**3,889**	**8,524**	**13,981**
Tiền/tương đương tiền cuối kỳ	**606**	**3,889**	**8,524**	**13,981**	**18,231**

Nguồn: IDC, MBS Research

Liên hệ: Phòng Nghiên cứu Khách hàng Tổ chức – Khối Nghiên cứu

Trưởng Phòng
Hoàng Công Tuấn_ *Tuan.HoangCong@mbs.com.vn*

Nhóm nghiên cứu Kinh tế vĩ mô

Kinh tế vĩ mô
Nguyễn Trọng Việt Hoàng_ *Hoang.NguyenTrong@mbs.com.vn*

Trái phiếu
Lê Minh Anh_ *Anh.LeMinh@mbs.com.vn*

Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

Năng lượng - Dầu khí
Chu Thế Huynh_ *Huynh.ChuThe@mbs.com.vn*

Bất động sản - Tài chính
Trần Thái Bình_ *Binh.TranThai@mbs.com.vn*

Hàng tiêu dùng - Bán lẻ
Phạm Thùy Trang_ *Trang.PhamThuy@mbs.com.vn*

Bất động sản - Tài chính
Đinh Công Luyến_ *Luyen.DinhCong@mbs.com.vn*

Tài chính - Ngân hàng
Đỗ Lan Phương_ *Phuong.DoLan@mbs.com.vn*

Tài chính- Vật liệu xây dựng
Dương Thiện Chí_ *Chi.DuongThien@mbs.com.vn*

Vật liệu xây dựng
Hoàng Ngân Giang_ *Giang.HoangNgan@mbs.com.vn*

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của MBS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	>=15%
GIỮ	Từ -15% đến +15%
BÁN	<= -15%

MBS SECURITIES

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS RESEARCH | TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ